

Số /BC-MNMV

Mường Vi, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Mường Vi.

2. Địa chỉ:

- Điểm chính: Thôn Ná Ấn, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

- Điểm trường:

Thôn Cửa Cải, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Thôn Ná Rin 1, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Thôn Ná Rin 2, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Điện thoại: 0362622465.

- Email: mnmuongvi-bx@laocai.edu.vn

3. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục: Tận tâm trách nhiệm với trẻ là nhiệm vụ hàng đầu.

4. Quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Mường Vi được thành lập tháng 8/2004 trên cơ sở tách ra từ trường tiểu học Mường Vi, trải qua 20 năm xây dựng và phát triển đến nay nhà trường đã có cơ sở vật chất khang trang đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn xã Mường Vi. Nhà trường hiện có 16 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với 7 nhóm, lớp/ 4 điểm trường đi lại thuận tiện, cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp hàng năm đảm bảo việc học tập và vui chơi của trẻ khi đến trường.

5. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Lý Tuyết Mai- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Điện thoại: 0362622465.

- Địa chỉ, nơi làm việc: Thôn Ná Ấn, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh

Lào Cai

6. Quyết định thành lập trường: Trường được thành lập từ năm 2004 theo quyết định số 185/2004/QĐ-UB ngày 6 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát.

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế dân chủ ở cơ sở giáo dục; Các nghị quyết của hội đồng trường.

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Số lượng CBGVNV trong nhà trường: 16.

2. Số lượng CBGVNV đạt chuẩn: 100% trong đó

- Số lượng CBGVNV có bằng Đại học: 06.

- Số lượng CBGVNV có bằng Cao đẳng: 09

- Số lượng CBGVNV có bằng TC: 01.

- 100% CBGVNV hoàn thành chương trình bồi dưỡng hằng năm.

III. Cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có tổng diện tích là 6800,2m² /124 trẻ, bình quân đạt 32m²/ trẻ. Trong đó 2195m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyền sử dụng đất theo Quyết định số A0771384 ngày 23/12/2008 và Quyết định số 100086 ngày 26/5/2008.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

* Điểm trường chính

- Gồm 06 dãy nhà xây bán kiên cố:
- Khu hành chính quản trị: 01 phòng Y tế + 02 phòng BGH + phòng kho+ phòng dành cho nhân viên+ phòng học tin+ phòng họp.
- Dãy lớp học (02 dãy)+ bếp nấu+ nhà vệ sinh.
- Khu để xe của cán bộ giáo viên.
- Nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên.
- Nhà vệ sinh gần khu bếp dành cho học sinh.

* Điểm phân hiệu:

- Điểm trường Cửa Cải: Khu phòng học: gồm 1 dãy nhà cấp 4 có 3 phòng/ 1 lớp học; bếp nấu tạm+ nhà vệ sinh cho học sinh.
- Điểm Ná Rin 1: Phòng học+ bếp nấu+ nhà vệ sinh+ phòng kho.
- Điểm Ná Rin 2: Phòng học+ bếp nấu+ nhà vệ sinh+ phòng kho.

* Khu hiệu bộ: Gồm 01 phòng âm nhạc.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: 7/7 nhóm, lớp học có đủ đồ đồ dùng, thiết bị dạy học đảm bảo theo thông tư.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác: Nhà trường hiện có 09 bộ đồ chơi ngoài trời và một số đồ chơi ngoài trời tự làm khác.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

Nhà trường đang thực hiện duy trì kiểm định mức độ 2, trường chuẩn mức độ I.

V. Kết quả hoạt động giáo dục: Công khai năm học 2023-2024

*** Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng**

+ Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng: Trẻ phát triển bình thường về cân nặng: 129/141 đạt 91,5%, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân: 12/141 chiếm 8,5%, trẻ phát triển bình thường về chiều cao: 121/141 đạt 85,9%, trẻ suy dinh dưỡng thấp còi: 20/141 chiếm 14,1%.

*** Kết quả giáo dục**

Tổng số học sinh khảo sát: 493/495 (02 trẻ Khuyết tật không khảo sát, đánh giá)

- + Xếp loại giỏi: 50/141 đạt 35,4%
- + Xếp loại khá: 57/141 đạt 40,4%
- + Xếp loại ĐYC: 33/141 đạt 23,5%

+ CĐ: 01/141 chiếm 0.7%
 + Số học sinh xếp loại khá, giỏi: 107/141 đạt 76% vượt so với chỉ tiêu đăng ký đầu năm

- Trẻ 5 tuổi HTCT: 40/40 đạt 100% (01 trẻ khuyết tật học hòa nhập)
- Trẻ 4 tuổi HTCT: 35/35 đạt 100%

VI. Kết quả tài chính

- + Dự toán ngân sách giao đầu năm kể cả điều chỉnh bổ sung: 2.805.250.000
- + Đã chi đến 16/9/2024: 2.060.607.794

Trong đó:

- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 1.745.896.067
- Chi thường xuyên: 144.861.727
- Chi lương bảo vệ: 29.250.000
- Thanh toán phần mềm: 22.000.000
- Hỗ trợ Chi phí học tập, tiền ăn học sinh: 118.600.000

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Duy trì các tiêu chí PCGDMN trẻ 4,5 tuổi trên địa bàn xã Mường Vi.
- Trẻ 2 tuổi: 23 trẻ đạt 26%.
- + Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi công lập là trẻ theo chỉ tiêu kế hoạch đạt 118/118 đạt chỉ tiêu kế hoạch, chia ra:
 - + Trẻ 3 tuổi: 43/43 cháu đạt tỷ lệ 100%
 - + Trẻ 4 tuổi: 35/35 cháu đạt tỷ lệ 100%
 - + Trẻ 5 tuổi ra lớp: 40/40 đạt tỷ lệ 100%.
 - + 40/40 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%
 - 35/35 trẻ 4 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%
 - Tham mưu với các cấp lãnh đạo tôn tạo tư sửa cảnh quan nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ trên địa bàn xã giai đoạn 2025-2030, đảm bảo các tiêu chí duy trì trường chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng mức 2.
 - Duy trì lịch học máy Kismart cho 63 trẻ tại điểm trường chính đạt 53,3%.
 - Trình độ giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục năm 2019: 15/15 đạt chuẩn 100% ; GV trên chuẩn: 4/15 đạt 27%.
 - 100% phòng học, bếp ăn được xây dựng bán kiên cố đảm bảo cho việc giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ.

Trên đây là báo cáo thường niên của trường Mầm non Mường Vi theo Thông tư 09/TT-BGD&ĐT./.

Nơi nhận:

- CBGVNV nhà trường;
- Phụ huynh học sinh;- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Tuyết Mai